TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Phước.

2/ Bà Trần Cẩm Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim D, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số D đường N, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng G, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường B, khóm C, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim D trình bày: Năm 2007 bà Kim D và ông Phạm Hoàng G tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2006 ngày 12/02/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp. Mặc dù hai bên đã cố gắng, hai gia đình cũng can thiệp. Hiện bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn.

Trong thời gian chung sống, bà D và ông G có 02 người con chung là: Phạm Hoàng Thảo M, sinh ngày 11/6/2008 và Phạm Hoàn K, sinh ngày 05/12/2009. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Nay bà D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Hiện Phạm Hoàng Thảo M, sinh ngày 11/6/2008 đang sống với ông G, nên để cháu M sống với ông G, bà D không phải cấp dưỡng nuôi

cháu M. Cháu Phạm Hoàn K đang sống với bà D, nên để cháu K sống với bà D, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi cháu K.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Hoàng G, nhưng ông G không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà D, đồng thời ông G cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Phạm Hoàng G, nhưng ông G vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông G.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kim D, nhận thấy bà D và ông G tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 137, quyển số 01/2006 ngày 12/02/2007. Quan hệ hôn nhân của bà D, ông G không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng không thể hòa hợp được. Hiện bà D nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông G nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà D suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông G, nhưng bà D vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông G.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D, ông G có hai con chung là: Phạm Hoàng Thảo M, sinh ngày 11/6/2008 và Phạm Hoàn K, sinh ngày 05/12/2009, bà D đồng ý giao cháu M cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng và bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K đến khi các cháu trưởng thành.

Xét thấy, cháu M hiện đang chung sống với ông G, cháu K thì đang sống với bà D, để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M là muốn được chung sống với cha, cháu K muốn được chung sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu M cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà D và ông G đều có việc làm, thu nhập ổn

định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà D không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim D được ly hôn với ông Phạm Hoàng G.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Hoàng Thảo M, sinh ngày 11/6/2008 cho ông Phạm Hoàng G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà Kim D không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hoàng Thảo M.

Bà Kim D được quyền thăm nom con chung là Phạm Hoàng Thảo M theo quy định của pháp luật.

Giao con chung là Phạm Hoàn K, sinh ngày 05/12/2009 cho bà Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Phạm Hoàng G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hoàn K.

Ông Phạm Hoàng G được quyền thăm nom con chung là Phạm Hoàn K theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Kim D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Kim D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Kim D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000262, ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Kim D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Phạm Hoàng G không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND TPST;
- UBND phường G, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh